TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **399**/2025/DS-ST
Ngày: 30/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàng,
Bà Trần Quang Cảnh.

- *Thư ký viên Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hồng Mạnh Hải, Thư ký viên Toà án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 448/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 448/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 684/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** (gọi tắt là: N1),
Địa chỉ: B L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.
Địa chỉ liên lạc: 151 - A N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Hoàng D, ông Đinh Văn V (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn:Ông **Hà V1** (vắng mặt tại phiên tòa),
Bà **Nguyễn Thị Hồng N** (vắng mặt tại phiên tòa),
Địa chỉ: A L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi cư trú: A L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:*

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là: NCB) và ông Hà V1, bà Nguyễn Thị Hồng N ký Hợp đồng cho vay số: 184/17/HĐCV/101-57 ngày 17/3/2017, số tiền vay: 640.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô tải hiệu Hino; lãi suất vay năm đầu tiên 8%/năm, sau đó lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày 17; trả gốc và lãi hàng tháng mỗi kỳ là: 10.670.000 đồng, trả vào ngày 25 hàng tháng. Ông V1, bà N đã được giải

ngân theo Khế ước nhận nợ số: 001/2017/KUNN/184/17/101-57 ngày 17/3/2017.

Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay là xe ô tô tải hiệu Hino, biển số 51C-936.58, số máy: N04CVB29242, số khung: RNJZCL2H4G3000549.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tổng cộng số tiền ông V1, bà N đã thanh toán cho N1 l: 637.213.728 đồng, rồi ngưng không tiếp tục thanh toán theo thoả thuận; do ông V1 và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả thanh toán với N1 nên ngày 15/10/2018, N1 ra Thông báo số 58C/TB-NCB về thu hồi nợ trước hạn.

Ngày 07/11/2018 N1 đã ra Quyết định số 66/2018/QĐ-NCB về thu giữ tài sản thế chấp của ông V1, bà N để thu hồi nợ.

Tính đến ngày 30/5/2025, ông V1 và bà N còn nợ N1 tổng cộng: 108.785.313 đồng, gồm: nợ gốc: 2.786.272 đồng; lãi trong hạn: 46.125.175 đồng; lãi quá hạn: 59.873.866 đồng.

NCB yêu cầu ông Hà V1, bà Nguyễn Thị Hồng N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng kể từ ngày 31/5/2025 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Đối với bị đơn ông Hà V1, bà Nguyễn Thị Hồng N:*

Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 448/2024/TB-TLVA ngày 27 tháng 5 năm 2024; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Hà V1, bà Nguyễn Thị Hồng N đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; xuất trình tài liệu mới là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Đồng bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Xét yêu cầu của N1 tại phiên tòa:

Theo Bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của N1 thể hiện tính đến ngày 30/5/2025, ông V1 và bà N còn nợ N1 tổng cộng: 108.785.313 đồng, gồm: nợ gốc: 2.786.272 đồng; lãi trong hạn: 46.125.175 đồng; lãi quá hạn:

59.873.866 đồng. Tại Bảng kê tính lãi khách hàng lại thể hiện lãi trong hạn còn phải thanh toán là: 46.147.770 đồng; lãi quá hạn l: 59.908.230 đồng, là không khớp số liệu tính toán với yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo yêu cầu của N1 tại Bản tự khai ngày 30/5/2025 của N1.

+ Về phần nợ vốn của ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập, lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, tính đến 30/3/2025 ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N nợ gốc là 2.786.272 đồng.

+ Về phần lãi quá hạn ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N phải thanh toán:

Tại Bảng tính lãi khách hàng ngày 07/11/2024 của N1 thể hiện NCB chốt nợ lãi từ ngày 30/3/2019 đến 07/11/2024 với mức lãi suất trung bình l 17,25%/năm + 18,75%/năm : 2 = 18%/năm. Tuy nhiên, tại Bản tự khai và Bảng kê tính lãi cùng ngày 30/5/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) của người đại diện theo uỷ quyền của N1 thể hiện mức lãi suất quá hạn là 17,25%/năm, nên áp dụng mức lãi suất quá hạn này để tính lãi quá hạn trong vụ án là phù hợp.

Căn cứ nhận định, đánh giá chứng cứ như trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc đồng bị đơn ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N thanh tốn nợ cho N1 tính đến ngày 30/5/2025: tổng cộng: 6.034.454,5 đồng, trong đó: nợ gốc: 2.786.272 đồng, lãi quá hạn: 3.248.182,5 đồng; thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 31/5/2025 đến khi thanh toán xong hết khoản nợ cho N1.

Bác một phần yêu cầu của N1 là: 108.785.313 đồng (vốn và lãi yêu cầu) - 6.034.454,5 đồng (vốn, lãi được chấp nhận) = 102.750.858 đồng, N1 phải chịu án phí dân sự trên phần yêu cầu không được chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là ô tô tải, N1 đã thu hồi, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, đồng bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến gì khác, nên không xem xét giải quyết.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú,Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện của nguyên đơn:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (gọi tắt l: N1) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

N1 có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, m số doanh nghiệp: 1700169765, đăng ký lần đầu ngày 24/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 02/8/2023, được cấp bởi Phịng đăng ký kinh doanh - Sở kế

hoạch và đầu tư Thành phố H. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật N1 có Giấy uỷ quyền số 109/UQ-CTHĐQT ngày 13/7/2023 uỷ quyền cho ông Lê Viết P, Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ N1 ký Đơn khởi kiện. Sau đó, ông Lê Viết P có Giấy uỷ quyền số 257/2023/UQ-NCB, uỷ quyền cho b Trần Hồng D1 v ông Đinh Văn V, tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ N1, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền của Tòa án:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số: 184/17/HĐCV/101-57 ngày 17/3/2017; Khế ước nhận nợ số: 001/2017/KUNN/184/17/101-57 ngày 17/3/2017; bản sao chụp CCCD của ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N; kết quả xác minh của Công an phường P, quận T, thể hiện nơi đăng ký cư trú hiện nay của ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N tại nhà số A L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc khởi kiện của N1 trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng tín dụng", thuộc loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập hợp đồng theo mẫu chung do Ngân hàng dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự; hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, bản thân đồng bị đơn cũng đã thực hiện thanh toán một số kỳ, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, Toà án đ thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, hết thời hạn ấn định của pháp luật dân sự về tố tụng, ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N không có Đơn phản tố hoặc có yêu cầu khác, do vậy Hội đồng xét xử xét đủ căn cứ kết luận bị đơn ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của N1.

** Về nội dung vụ án:*

[7] Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngòai các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án. NCB nộp bổ sung bản phô tô Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng v Bản tự khai, Bảng tính lãi khách hàng ngày 30/5/2025..

[8] Về nợ vốn gốc v lãi, phí, phạt của bị đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số: 184/17/HĐCV/101-57 ngày 17/3/2017; Khế ước nhận nợ số: 001/2017/KUNN/184/17/101-57 ngày 17/3/2017; Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Bảng tính vốn, lãi vay; Thông báo nhắc nợ; Thông báo chuyển nợ quá hạn; Thông báo và Quyết định thu hồi tài sản thế chấp… do N1 lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, thể hiện ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N là người xác lập giao dịch dân sự với N1 vay số tiền 640.000.000 đồng để mua xe ô tô tải hiệu Hino; đồng thời, ông V1 và bà N thế chấp chính chiếc xe ô tô này để đảm bảo cho khoản tiền vay.

[8.1] Về số nợ gốc của ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Bảng tính vốn, lãi vay… và cam kết của người đại diện theo uỷ quyền của N1 tại phiên toà, số nợ gốc còn lại ông V1, bà N chưa thanh toán tổng cộng là: 2.786.272 đồng.

Hội đồng xét xử xét, trong thời gian thực hiện hợp đồng, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc thanh toán nợ theo kỳ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N đ không thực hiện việc thanh toán theo thoả thuận nên NCB đ chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn, đồng thời NCB đ quyết định thu hồi toàn bộ nợ trước hạn v NCB đ thu hồi tài sản thế chấp. Sau khi thanh lý tài sản thế chấp, số nợ gốc của ông V1, bà N còn lại l 2.786.272 đồng, nên chấp nhận.

[8.2] Về số tiền nợ lãi:

NCB yêu cầu ông V1 và bà N thanh toán lãi trong hạn: 46.125.175 đồng và lãi quá hạn: 59.873.866 đồng.

Hội đồng xét xử xét, căn cứ thoả thuận giữa hai bên tại khoản 4 Điều 6 Hợp đồng tín dụng, quy định như sau: "Bên A (Ngân hàng) được quyền thu hồi các khoản phải trả của Bên B (Khách hàng) đối với Bên A phát sinh liên quan đến Hợp đồng này theo thứ tự như sau: Các khoản phí tín dụng và các chi phí khác (nếu có); Nợ lãi quá hạn; Nợ lãi trong hạn; Nợ gốc; Các khoản phải trả khác (nếu có) trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác hoặc Bên A quyết định giảm bớt các khoản này".

Đồng thời, căn cứ vào thoả thuận giữa hai bên tại khoản 4 Điều 13 Hợp đồng:

"Điều 13. Xử lý tài sản bảo đảm

…4. Thứ tự ưu tiên thu nợ khi xử lý tài sản bảo đảm: Các chi phí liên quan đến việc xử lý nợ (bao gồm các chi phí liên quan đến định giá, bảo quản, xử lý tài sản bảo đảm, chi phí tố tụng, thi hành án và các chi phí thu hồi nợ khác) (nếu phải xử lý tài sản bảo đảm); Các khoản phí tín dụng và các khoản chi phí khác (nếu có); Nợ lãi quá hạn; Nợ lãi trong hạn; Nợ gốc; Các khoản phải trả khác (nếu có), trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác hoặc Bên A quyết định giảm bớt các khoản này.".

Như vậy, căn cứ vào các thoả thuận này của hợp đồng, tính tới 24/7/2018 – ngày N1 chuyển nợ quá hạn khoản vay của ông V1, bà N, bị đơn đã thanh toán lần lượt theo thứ tự phải thanh toán là: lãi (trong hạn, quá hạn), phí, chi phí khác và phần nợ gốc; như vậy tổng cộng số nợ gốc còn lại l 2.786.272 đồng.

[8.2.1] Về lãi trong hạn:

Đối với số tiền lãi trong hạn, đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa ông V1, bà N và N1 theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, tính kể từ ngày 24/7/2018 – ngày N1 chuyển nợ quá hạn khoản vay của ông V1, bà N, số nợ gốc còn lại 2.786.272 đồng đ bị NCB chuyển sang nợ quá hạn, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền lãi trong hạn còn lại phải thanh toán: 46.125.175 đồng – đây thực chất là số tiền lãi trong hạn tính theo kỳ, trn tổng số tiền vay 640.000.000 đồng ban đầu, là phù hợp thoả thuận giữa hai bên tại Điều 11 Hợp đồng, như sau:

"Điều 11. Chuyển nợ quá hạn:

1. Các khoản nợ gốc, lãi, phí hoặc các khoản phải trả khác của Bên B được chuyển sang nợ quá hạn vào ngày liền sau ngày phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:

a) Bên B không thanh toán bất kỳ một trong số các khoản nợ gốc, lãi, phí v các khoản phải trả khác theo đúng thời hạn đ thoả thuận với Bên A;…"

NCB phải chịu án phí trn số tiền lãi trong hạn không được chấp nhận 46.125.175 đồng.

[8.2.2] Về tiền lãi quá hạn:

Về phần lãi quá hạn ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N: căn cứ Bản tự khai ngày 30/5/2025 của người đại diện theo uỷ quyền của N1 thể hiện NCB chốt nợ lãi từ ngày 24/7/2018 đến 30/5/2025 với mức lãi suất trung bình l 17%/năm, nên Hội đồng xét xử p dụng mức lãi suất quá hạn ny để tính lãi quá hạn đối với nợ gốc 2.786.272 đồng, từ ngày 24/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2025 l 3.248.182,5 đồng, không chấp nhận số tiền lãi quá hạn: 59.908.230 đồng - 3.248.182,5 đồng = 56.660.047,5 đồng.

NCB phải chịu án phítrên số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận 56.660.047,5 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi m N1 yêu cầu không được chấp nhận là: 46.125.175 đồng (lãi trong hạn) + 56.660.047,5 đồng (lãi quá hạn) = 102.785.222 đồng.

[8.2.3] Số tiền nợ gốc, lãi:

Căn cứ vào nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định ông Hà V1, bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa thanh toán số tiền tổng cộng là: 6.034.454,5 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 2.786.272 đồng, lãi quá hạn: 3.248.182,5 đồng cho N1.

[8.2.4] Về nghĩa vụ, cách thức thanh toán:

Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ phải thanh toán cho N1 số tiền 6.034.454,5 đồng, nêu trên, lm một lần ngay sau khi bản n có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 31/5/2025 đến khi thanh toán xong hết khoản nợ.

[9] Đối với tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay là xe ô tô tải hiệu Hino, biển số 51C-936.58, số máy: N04CVB29242, số khung: RNJZCL2H4G3000549.

NCB có văn bản số 888/2024/CV-NCB ngày 22/10/2024 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp; đồng bị đơn đ được Toà án triệu tập hợp lệ

nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về ý kiến trình by của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tại phiên toà:

Hội đồng xét xử xét ý kiến của N1 cho rằng p dụng nguyên tắc có lợi cho khách hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, khi NCB bên tài sản thế chấp, N1 đ trừ vo nợ gốc trước, trừ lãi, phí sau,… về thứ tự ưu tiên thanh toán khi N1 chủ động thu hồi nợ.

Trong vụ n, theo trình by của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ Toà án đ thu thập, thể hiện NCB đ chủ động thu giữ tài sản thế chấp và đ tự xử lý tài sản bảo đảm.

Căn cứ vào thoả thuận giữa hai bên tại khoản 4 Điều 13 Hợp đồng; khoản 4 Điều 6 Hợp đồng tín dụng, đ việc dẫn trn, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời khai này của người đại diện theo uỷ quyền của N1.

Đối với phần xử lý tài sản thế chấp: Toà án đ có Thông bo số 449/2024/TB-BSTLCC ngày 19/6/2024, yêu cầu N1 bổ sung tài liệu về tài sản thế chấp, nhưng NCB không cung cấp, không yêu cầu Toà án không giải quyết tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử xét, bộ hồ sơ về đấu giá tài sản thế chấp (Quyết định đưa tài sản ra đấu giá; Biên bản đấu giá thành; Thông báo kết quả đấu giá cho người thế chấp tài sản…) là căn cứ để Toà án xem xét việc thu giữ tài sản, bên tài sản thế chấp của N1 đúng quy định pháp luật hay không. Tuy nhiên N1 không cung cấp hồ sơ, không yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp, đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố hay có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Hội đồng xét xử xét hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Q:

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn khẳng định N1 tuân thủ nghiêm chỉnh văn bản quy phạm pháp luật là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N2 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, về thứ tự ưu tiên thanh toán khi N1 chủ động thu hồi nợ: trừ vào nợ gốc trước, trừ lãi, phí sau,…

Căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét, sau khi Thông tư số 39/2016/TT-NHNN có hiệu lực pháp luật, N1 vẫn thoả thuận về thứ tự ưu tiên thu nợ khi xử lý tài sản bảo đảm: Các chi phí liên quan đến việc xử lý nợ (bao gồm các chi phí liên quanđến định giá, bảo quản, xử lý tài sản bảo đảm, chi phí tố tụng, thi hành án và các chi phí thu hồi nợ khác) (nếu phải xử lý tài sản bảo đảm); Các khoản phí tín dụng và các khoản chi phí khác (nếu có); Nợ lãi quá hạn; Nợ lãi trong hạn; Nợ gốc; Các khoản phải trả khác (nếu có),… tại khoản 4 Điều 13 và khoản 4 Điều 6 Hợp đồng cho vay số: 184/17/HĐCV/101-57 ngày 17/3/2017; Khế ước nhận nợ số: 001/2017/KUNN/184/17/101-57 ngày 17/3/2017; Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Bảng tính vốn, lãi vay; T bo nhắc nợ; Thông bo chuyển nợ quá hạn; Thông báo và Quyết định thu hồi tài sản thế

chấp… mà không có phụ lục hợp đồng, văn bản thoả thuận lại về khoản 4 Điều 13 và khoản 4 Điều 6 Hợp đồng đối với khách hàng H, Nguyễn Thị Hồng N; nhưng người đại diện theo uỷ quyền của N1 khẳng định N1 và chấp hành nghiêm chỉnh văn bản quy phạm pháp luật là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, nghĩa là: ưu tiên thu hồi nợ gốc do khoản vay đ quá hạn l đúng quy định.

Như vậy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Toà án thu thập, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mặc dù Thông tư số 39/2016/TT-NHNN – là văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng N2 đ có hiệu lực pháp luật thi hnh, tuy nhin, N1 vẫn lm tri quy định của Ngân hàng N2, tự thoả thuận với khách hàng về thứ tự thu hồi nợ, gây thiệt hại cho quyền và lợi ích chính đáng của khách hàng khi có giao dịch với N1, đồng thời việc thực hiện song song các quy định về tín dụng như trên còn liên quan đến hoạt động khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế của pháp luật về thuế; do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết kiến nghị Ngân hàng N2, Cục thuế Thành phố H, kiểm tra hoạt động tín dụng; hoạt động khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế của N1 từ thời điểm ngày 15 tháng 3 năm 2017 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 30 tháng 5 năm 2025.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H Văn V2 b Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự l 301.723 đồng (lm trịn số tiền).

N1 phải chịu án phí dân sự là 5.139.261 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do N1 đã tạm nộp 2.062.326 đồng, NCB còn phải nộp tiếp số tiền án phí 3.076.935 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Điều 13, Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 96, 97, 98, 184, 189, 233, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N2 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

1.1. Buộc ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, tổng cộng số tiền nợ l 6.034.454,5

đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm năm bốn phẩy năm đồng); trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 2.786.272 đồng (Hai triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm bảy mươi hai đồng),

Lãi quá hạn: 3.248.182,5 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn một trăm tám mươi hai phẩy năm đồng).

1.2. Cách thức thanh toán:

Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, tổng cộng số tiền nợ l 6.034.454,5 đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm năm bốn phẩy năm đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N đồng thời còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2025 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

13. Không chấp nhận tổng cộng số tiền lãi (lãi trong hạn v lãi quá hạn) m Ngân hàng thương mại cổ phần Q đ yêu cầu là: 102.785.222 đồng (Một trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự l 301.723 đồng (Ba trăm lẻ một ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng).

Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N nộp số tiền án phí dân sự 301.723 đồng (Ba trăm lẻ một ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng) nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần Q chịu án phí dân sự là 5.139.261 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi mốt đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã tạm nộp 2.062.326 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án Ký hiệu: BLTU/23P số: 0008279 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q còn phải nộp tiếp số tiền án phí 3.076.935 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi lăm đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

4.1. Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4.2. Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có quyền khng co trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và

26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

5. Phần kiến nghị của Hội đồng xét xử:

Kiến nghị Ngân hàng N2, Cục thuế Thành phố H, kiểm tra hoạt động tín dụng; hoạt động khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế của Ngn hàng thương mại cổ phần Q1 từ thời điểm ngày 15 tháng 3 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 30 tháng 5 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dânThành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Cục thuế Thành phố hồ Chí Minh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

L Nam Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHN

CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

N3

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúcc 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn H1,

B Trần Quang C.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 448/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định

đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 448/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 684/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** (gọi tắt l: N1),

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Hoàng D, ông Đinh Văn V (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn:Ông **Hà V1** (vắng mặt tại phiên tòa),

Bà **Nguyễn Thị Hồng N** (vắng mặt tại phiên tòa).

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết thống nhất về những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Điều 13, Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 96, 97, 98, 184, 189, 233, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N2 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Biểu quyết: . . . . . .

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2.2. Buộc ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, tổng cộng số tiền nợ l 6.034.454,5 đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm năm bốn phẩy năm đồng); trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 2.786.272 đồng (Hai triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm bảy mươi hai đồng),

Lãi quá hạn: 3.248.182,5 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn một trăm tám mươi hai phẩy năm đồng).

2.3. Cách thức thanh toán:

Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, tổng cộng số tiền nợ là 6.034.454,5 đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm năm bốn phẩy năm đồng), nêu trên, lm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N đồng thời còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2025 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2.4. Không chấp nhận tổng cộng số tiền lãi (lãi trong hạn v lãi quá hạn) m Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã yêu cầu là: 102.785.222 đồng (Một trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

Biểu quyết: . . . . . .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự l 301.723 đồng (Ba trăm lẻ một ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng).

Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N nộp số tiền án phí dân sự 301.723 đồng (Ba trăm lẻ một ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng) nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần Q chịu án phí dân sự là 5.139.261 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi mốt đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã tạm nộp 2.062.326 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án Ký hiệu: BLTU/23P số: 0008279 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q còn phải nộp tiếp số tiền án phí 3.076.935 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi lăm đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Biểu quyết: . . . . . .

4. Về thi hành án:

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết: . . . . . .

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Ông Hà V1 và bà Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết: . . . . . .

6. Phần kiến nghị của Hội đồng xét xử:

Kiến nghị Ngân hàng N2, Cục thuế Thành phố H, kiểm tra hoạt động tín dụng; hoạt động khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế của Ngân hàng thương mại cổ phần Q từ thời điểm ngày 15 tháng 3 năm 2017 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 30 tháng 5 năm 2025./.

Buổi nghị án kết thúc lúc 16 giờ 50 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng noi dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA